Chi tiết mã HS 2937.22.00

Mã HS	2937.22.00
Mô tả hàng hóa	Các hormon, prostaglandins, thromboxanes và leukotrienes, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp; các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng, kể cả chuỗi polypeptit cải biến, được sử dụng chủ yếu như hormon / - Các hormon steroit, các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng: / - - Các dẫn xuất halogen hóa của các hormon corticosteroit (corticosteroidal hormones)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:00:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29372200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4428
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4428
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4428
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4386
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4347
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4347
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4347
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4347
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4347
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4347
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4385
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4385
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4385
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4385

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4385
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4385
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4389
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4389
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4389
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4389
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4389
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4389
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4389
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4353
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4349
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4349
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4349
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4349
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4349
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4349
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4349
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4349
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4349
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4349
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4349
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4349
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4396
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4396
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4396
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4396

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4396
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4396
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4393
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4393
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4393
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4393
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4393
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4393
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4401
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4401
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4401
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4401
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4401
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4401
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4372
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4372
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4372
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4372
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4372
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4372
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4374
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4374
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4374
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4374
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4374
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4374

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4372
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4372
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4372
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4372
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4372
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4372
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4372
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4393
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4393
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4393
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4393
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4393
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4393
RCEP B	2022	2022	0	B!D4393
RCEP B	2023	2023	0	B!E4393
RCEP B	2024	2024	0	B!F4393
RCEP B	2025	2025	0	B!G4393
RCEP B	2026	2026	0	B!H4393
RCEP B	2027	2027	0	B!I4393
RCEP C	2022	2022	0	C!D4393
RCEP C	2023	2023	0	C!E4393
RCEP C	2024	2024	0	C!F4393
RCEP C	2025	2025	0	C!G4393
RCEP C	2026	2026	0	C!H4393
RCEP C	2027	2027	0	C!I4393
RCEP D	2022	2022	0	D!D4393

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4393
RCEP D	2024	2024	0	D!F4393
RCEP D	2025	2025	0	D!G4393
RCEP D	2026	2026	0	D!H4393
RCEP D	2027	2027	0	D!I4393
RCEP E	2022	2022	0	E!D4396
RCEP E	2023	2023	0	E!E4396
RCEP E	2024	2024	0	E!F4396
RCEP E	2025	2025	0	E!G4396
RCEP E	2026	2026	0	E!H4396
RCEP E	2027	2027	0	E!I4396
RCEP F	2022	2022	0	F!D4393
RCEP F	2023	2023	0	F!E4393
RCEP F	2024	2024	0	F!F4393
RCEP F	2025	2025	0	F!G4393
RCEP F	2026	2026	0	F!H4393
RCEP F	2027	2027	0	F!I4393
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4043
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4043
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4043
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4043

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2937.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2937.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4428), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.